

Bản án số: 35/2026/HS-PT

Ngày 20 - 01 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Quang;

Bà Đinh Thị Kiều Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Hồ Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 534/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2025; do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H và bị hại Công ty Trách nhiệm hữu hạn C, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2025/HS-ST ngày 27-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai;

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị H, sinh năm 1998 tại Bình Định; nơi đăng ký thường trú: Thôn C, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (nay là xã T, tỉnh Gia Lai); nơi cư trú: Ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã X, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: Nhân viên; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Đặng Thị Hồng M; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 19-02-2025 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H: Ông Nguyễn Quang T, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; nơi làm việc: Công ty L1 và Cộng sự; địa chỉ: Số O, đường Đ, phường T, tỉnh Đồng Nai; số điện thoại: 0915 946 95X; đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nam Ki D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số: 20240202/CJ-UQ ngày 01/02/2024): Bà Phạm Hồ Như H2, chức vụ: Chuyên viên Phòng Pháp lý và Quản lý rủi ro; nơi làm việc: Công ty Trách nhiệm hữu hạn C, Quốc lộ A, xã M, tỉnh Long An; đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có các bị cáo Trần Hậu G và Trần D1, không có kháng cáo và không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Nguyễn Thị H là nhân viên hợp đồng lao động của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C (TNHH C), có trại chăn nuôi heo giống hậu bị tại ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Sau khi ký hợp đồng lao động với công ty, H được giao nhiệm vụ làm nhân viên hành chính làm việc tại Trại C, thuộc ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Tại Trại C, H có trách nhiệm quản lý trực tiếp và chịu trách nhiệm về việc xuất, nhập, tồn kho các mặt hàng như: Cám, thuốc vacxin, vật tư, trang thiết bị..., có quyền hạn đề xuất trong việc xuất, nhập cám, các loại thiết bị cho trại nếu thấy cần thiết và các mặt công tác khác theo quyết định về việc ban hành mô tả công việc do công ty quy định và chịu trách nhiệm trước T1 trại là anh Lê Phúc D2 và Công ty TNHH C.

Để vận chuyển cám đến T2, ngày 01/01/2023, Công ty TNHH C ký hợp đồng vận chuyển với Công ty TNHH C, để vận chuyển cám từ Khu Công nghiệp D giao cho T2. Quá trình vận chuyển, do bị thiếu tài xế, nên ông Lê Mạnh Q (giám đốc Công ty TNHH C) đã liên hệ với Công ty TNHH C do ông Lê Mạnh L làm giám đốc (ông Lê Mạnh Q và ông Lê Mạnh L là hai anh em ruột), đề nghị hỗ trợ tài xế xe thì được Công ty TNHH C đồng ý, điều động Trần D1 là nhân viên hợp đồng lao động của công ty sang Công ty TNHH C làm việc. Tại Công ty TNHH C, D1 được giao nhiệm vụ quản lý, điều khiển xe ô tô tải 60H-013.55, phụ trách việc vận chuyển cám cho Công ty TNHH C từ Khu Công nghiệp D đến Trại C; do đó, D1 là người trực tiếp giao cám cho H khi đến Trại C.

Trần Hậu G là nhân viên, được giao nhiệm vụ làm tài xế và tạp vụ cho Công ty TNHH C. Trước khi D1 được giao nhiệm vụ vận chuyển cám cho Công ty TNHH C thì G là người lái xe và vận chuyển cám cho Công ty TNHH C từ Khu Công nghiệp D đến Trại C, nên H và G đã quen biết nhau. Khoảng tháng 01/2023, Trần Hậu G gọi điện thoại qua ứng dụng zalo cho H, đặt vấn đề lấy cám của Công ty TNHH C, bán ra ngoài lấy tiền tiêu xài, H đồng ý. H và G bàn bạc, thỏa thuận, H là người quyết định số lượng cám và mã cám cần bán và là người hợp thức hóa số lượng cám đã bán, để không bị Công ty TNHH C phát hiện; còn G có trách nhiệm liên hệ với người mua, thu về cho H một bao cám số tiền 300.000 đồng, còn G bán hơn số tiền 300.000 đồng/bao thì sẽ được hưởng số tiền chênh lệch. Sau đó, G thông báo cho D1 biết việc H đồng ý lấy cám của Công ty TNHH C bán thì D1 đồng ý tham gia. Nhiệm vụ của D1 là sau khi nhận cám từ nhà máy cám của công ty tại Khu Công nghiệp D xong, D1 sẽ gọi điện thoại thông báo cho H về số lượng, mã cám D1 đã nhận, H sẽ quyết định và nói cho D1 biết số lượng, mã cám sẽ bán; sau đó, D1 sẽ chở cám đến địa điểm bán cám theo yêu cầu của G. Sau khi thỏa thuận, H, G và D1 đã lấy 136 bao cám có trọng lượng mỗi bao 40kg bán thu lợi bất chính số tiền là 47.600.000 đồng, cụ thể:

Lần 01: Khoảng 15 giờ ngày 06/01/2023, nhận được Lệnh điều động số 74/LĐĐ của Công ty TNHH C, Trần D1 điều khiển xe ô tô 60H-013.55 đến nhà máy cám của công ty tại Khu Công nghiệp D, để vận chuyển 180 bao cám có ký hiệu 1047SR40 giao cho Trại C. Sau khi nhận cám xong, D1 thông báo cho H biết đã nhận cám từ Công ty TNHH C và H yêu cầu D1 bán 66 bao cám. Khoảng 01 giờ ngày 07/01/2023, G liên hệ với một người đàn ông (không rõ lai lịch), để thỏa thuận việc bán cám; hai bên thống nhất một bao cám với giá là 350.000 đồng và địa điểm giao cám tại khu vực lô cao su thuộc xã S. Sau đó, D1 điều khiển xe ô tô 60H- 013.55 đến khu vực lô cao su thuộc Ấp A, xã S, huyện C gặp 04 người đàn ông (không rõ lai lịch) điều khiển 01 xe ba gác màu xanh đến mua cám. Lúc này, D1 dừng xe cùng G bán 66 bao cám với giá 350.000 đồng/bao với tổng tiền là 23.100.000 đồng. Sau đó, G đưa cho D1, để D1 đưa cho H số tiền 19.800.000 đồng tiền bán 66 bao cám. Riêng G và D1 được hưởng số tiền chênh lệch là 3.300.000 đồng, trong đó G đưa cho D1 số tiền 2.000.000 đồng, G hưởng số tiền 1.300.000 đồng. Sau khi bán cám, D1 điều khiển xe về lại ngã ba D đỗ lại; tại đây, D1 gọi cho Thạch Minh H3, sinh năm 1996, trú tại ấp S, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu đi giao cám cùng tại Trại C. Đến khoảng 4 giờ cùng ngày, D1 điều khiển xe chở H3

đến Trại C giao cám. Quá trình giao nhận, H và D1 vẫn ký giao nhận đủ số lượng 180 bao cám mã 1047SR40.

Lần 2: Khoảng 15 giờ ngày 10/01/2023, nhận được Lệnh điều động số 83/LĐĐ của Công ty TNHH C, Trần D1 điều khiển xe ô tô 60H-013.55 đến nhà máy cám tại Khu Công nghiệp D, để vận chuyển 180 bao cám có ký hiệu A102740 giao cho Trại C. Sau khi nhận được cám, cũng với cách thức và thủ đoạn như lần 1, khi đến khu vực lô cao su thuộc xã S, G và D1 bán 70 bao cám với giá 350.000 đồng/bao với tổng tiền là 24.500.000 đồng cho 04 người đàn ông (không rõ lai lịch). Sau đó, G đưa cho D1, để D1 đưa cho H số tiền 21.000.000 đồng tiền bán 70 bao cám. Riêng G và D1 được hưởng số tiền chênh lệch là 3.500.000 đồng; trong đó, G đưa cho D1 số tiền 2.000.000 đồng, G hưởng số tiền 1.500.000 đồng.

Sau khi bán cám, D1 điều khiển xe về lại ngã ba D đỗ lại; tại đây, D1 tiếp tục gọi cho Thạch Minh H3 đi giao cám cùng tại Trại C. Đến khoảng 4 giờ cùng ngày, D1 điều khiển xe chở H3 đến Trại C giao cám. Quá trình giao nhận, H và D1 vẫn ký giao nhận đủ số lượng 180 bao cám mã A102740.

Để công ty không phát hiện việc H, G và D1 chiếm đoạt 136 bao cám bán ra ngoài, H và D1 thống nhất với nhau số lượng cám nhập vào kho vẫn thể hiện đúng theo Lệnh điều động số 74/LĐĐ và số 83/LĐĐ của Công ty TNHH C. Cụ thể, H thể hiện nội dung trên phiếu nhập cám số 0290369 ngày 06/01/2023 và phiếu nhập cám số 0290374 ngày 10/01/2023 vẫn đủ số lượng cám nhập và H ký vào chỗ người lập phiếu, thủ kho còn D1 ký vào chỗ người giao hàng. Ngoài ra, để hợp thức hóa số cám đã bán thì H đã lợi dụng việc Trại Cẩm Mỹ 1 thường xuyên cho heo ăn “cám xi-lo” là loại cám được để trong bồn sẵn, khi ăn chỉ cần mở van xả theo đường ống dẫn cám đến các chuồng, số lượng cám được xả ra phụ thuộc vào số lượng heo trong chuồng và số ký chuẩn cho từng con heo do công ty quy định. Sau khi xả cám, nếu heo ăn không hết dư lại số cám xi-lo thì H sẽ cộng dồn số ký của cám xi-lo còn dư chuyển qua thành cám bao, để hợp thức hóa số lượng cám đã bán là 136 bao; đồng thời, trên sổ sách và báo cáo theo dõi nhập cám ngày 06/01/2023 và ngày 11/01/2023, H đều báo cáo thống kê đủ số lượng đã nhập.

Tại Kết luận định giá trị tài sản số: 11/KL-HĐĐG ngày 10/4/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, kết luận: 66 bao cám hiệu 1047SR40, có trọng lượng 01 bao là 40kg và 70 bao cám hiệu A102740 có trọng lượng 01 bao là 40kg có tổng giá trị thiệt hại là 77.210.720 đồng.

Về dân sự: Công ty TNHH C đã nhận bồi thường 77.210.720 đồng từ các bị cáo H, D1 và G, không có yêu cầu gì thêm.

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2025/HS-ST ngày 27-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai, đã quyết định như sau: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị H, Trần Hậu G và Trần D1 phạm tội “Tham ô tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Nguyễn Thị H 04 (bốn) năm tù, Trần D1 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù và Trần Hậu G 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

3. Kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị H và bị hại Công ty Trách nhiệm hữu hạn C kháng cáo, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị H.

4. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt mới; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5. Luận cứ của người bào chữa nộp cho Tòa án:

Thống nhất với tội danh mà Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Tham ô tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự; tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

6. Nội dung khác:

Vụ án này, trước đây, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ đã xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2024/HS-ST ngày 15-01-2024; sau đó, bản án sơ thẩm bị hủy do bỏ lọt tội phạm (Trần Hậu G), theo Bản án hình sự phúc thẩm số: 472/2024/HS-PT ngày 26-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.HS_ST

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Tham ô tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có (đã định khung).

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; được bị hại làm đơn bãi nại; phạm tội lần đầu và có nhân thân tốt. Áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm: Gia đình bị cáo cung cấp tài liệu, thể hiện bị cáo có ông ngoại (tên Đặng N) tham gia cách mạng. Áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015

2.3. Về hình phạt và biện pháp ngăn chặn:

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị H là phù hợp; tại cấp phúc thẩm, bị hại có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cùng với tình tiết mới nêu trên, chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo Nguyễn Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Không chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên. Chấp nhận quan điểm của người bào chữa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, 2 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H và bị hại Công ty Trách nhiệm hữu hạn C;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 19/2025/HS-ST ngày 27-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đồng Nai.

1. Tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 19-02-2025.

2. Biện pháp ngăn chặn:

Căn cứ khoản 3 Điều 347 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị H theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để bảo đảm thi hành án.

3. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, Bị hại và Người bào chữa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân khu vực 5;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai (PC01);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân và Công an xã Tây

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành

Sơn, tỉnh Gia Lai;

- Ủy ban nhân dân và Công an xã Xuân
Đông, tỉnh Đồng Nai;

- Lưu: Hồ sơ vụ án và Văn phòng ⁽²⁰⁾.